**PHỤ LỤC**

# ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

## KẾT QUẢ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

# PHẦN I. BÁO CÁO KẾT QUẢ 2 NĂM THI HÀNH LUẬT PHÒNG,

# CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

**I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT PCBLGĐ**

* 1. Về tình hình BLGĐ
  2. Đánh giá về tình hình thực thi pháp luật về PCBLGĐ
     + Về nhận thức, chấp hành pháp luật về PCBLGĐ
     + Về các giải pháp phòng ngừa BLGĐ;
     + Về các giải pháp ngăn chặn, xử lý hành vi BLGĐ;
     + Về các giải pháp bảo vệ, hỗ trợ người bị BLGĐ.
  3. Về nguồn lực PCBLGĐ
     + Kinh phí đầu tư cho PCBLGĐ;
     + Nhân lực được giao nhiệm vụ triển khai PCBLGĐ.
  4. Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong PCBLGĐ
  5. Bài học kinh nghiệm trong triển khai, thi hành Luật PCBLGĐ

**PHẦN II. BÁO CÁO TỔNG KẾT MÔ HÌNH PCBLGĐ**

1. **VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG, NHÂN RỘNG, DUY TRÌ MÔ HÌNH**
   1. Công tác chỉ đạo xây dựng, nhân rộng, duy trì Mô hình theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân quận
   2. Công tác chỉ đạo xây dựng, nhân rộng, duy trì Mô hình theo hình thức khác
      * Lồng ghép với mô hình khác;
      * Hoạt động độc lập theo đề xuất/hướng dẫn của cơ quan khác.
   3. Hoạt động truyền thông về mô hình, nâng cao năng lực cho đội ngũ tham gia mô hình

(Nội dung này làm rõ các hoạt động, sản phẩm truyền thông về PCBLGĐ cung cấp cho mô hình; tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ tham gia hoạt động, duy trì và vận hành mô hình…).

* 1. Kinh phí hoạt động, duy trì và nhân rộng mô hình
  2. Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Mô hình PCBLGĐ

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH PCBLGĐ

* 1. Đánh giá về các hoạt động của Mô hình PCBLGĐ theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
     + Về hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Mô hình PCBLGĐ
     + Về hoạt động của Câu lạc bộ xây dựng gia đình phát triển bền vững
     + Về hoạt động của Nhóm PCBLGĐ
     + Về hoạt động của Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng
     + Về hoạt động của đường dây nóng (*tiếp nhận, xử lý thông tin về BLGĐ*).
  2. Đánh giá về hoạt động của Mô hình lồng ghép nội dung về PCBLGĐ
     + Về nội dung hoạt động
     + Về hình thức hoạt động
     + Tính hiệu quả
  3. Đánh giá hoạt động của Mô hình PCBLGĐ do cơ quan, tổ chức khác xây dựng, triển khai nhân rộng và duy trì
     + Về nội dung hoạt động
     + Về hình thức hoạt động
     + Tính hiệu quả
  4. Thuận lợi, khó khăn và bài học kinh nghiệm trong duy trì, nhân rộng mô hình PCBLGĐ
     + Thuận lợi
     + Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân
     + Bài học kinh nghiệm
  5. Bảng tổng hợp Mô hình PCBLGĐ

Bảng 1: Số Mô hình do ngành văn hóa và thể thao đang chỉ đạo triển khai, nhân rộng và duy trì

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số mô hình chính** | **Số mô hình lồng ghép** | **Ghi chú** |
| 2010 |  |  |  |
| 2011 |  |  |  |
| 2012 |  |  |  |
| 2013 |  |  |  |
| 2014 |  |  |  |
| 2015 |  |  |  |
| 2016 |  |  |  |
| 2017 |  |  |  |
| 2018 |  |  |  |
| 2019 |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |
| 2023 |  |  |  |
| 2024 |  |  |  |
| 2025 |  |  |  |

Bảng 2: Số Mô hình PCBLGĐ do cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn triển khai, nhân rộng và duy trì

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số mô hình chính** | **Số mô hình theo hướng dẫn của ngành khác** | | **Ghi chú** |
| **Hoạt động chuyên về PCBLGĐ** | **Số mô hình lồng ghép với các hoạt động khác** |  |
| 2010 |  |  |  |  |
| 2011 |  |  |  |  |
| 2012 |  |  |  |  |
| 2013 |  |  |  |  |
| 2014 |  |  |  |  |
| 2015 |  |  |  |  |
| 2016 |  |  |  |  |
| 2017 |  |  |  |  |
| 2018 |  |  |  |  |
| 2019 |  |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |
| 2023 |  |  |  |  |
| 2024 |  |  |  |  |
| 2025 |  |  |  |  |

# PHẦN III. BÁO CÁO TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH VỀ PCBLGĐ (Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp, xử lý đối với các trường hợp bạo lực gia đình trên địa bàn Thành phố).

1. **CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI**
   * + Kết quả công tác quán triệt, tuyên truyền chủ trương, quan điểm của Đảng về PCBLGĐ.
     + Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp về PCBLGĐ của địa phương gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.
     + Công tác kiểm tra việc thi hành chính sách, pháp luật về thực hiện quy chế phối hợp.

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH VỀ PCBLGĐ

* 1. Kết quả thực hiện công tác phối hợp phòng ngừa BLGĐ
  2. Kết quả thực hiện công tác phối hợp trong truyền thông về PCBLGĐ
  3. Kết quả thực hiện công tác phối hợp trong giáo dục chuyển đổi hành vi về PCBLGĐ
  4. Kết quả thực hiện công tác phối hợp trong tư vấn về PCBLGĐ
  5. Kết quả thực hiện công tác phối hợp trong hòa giải mâu thuẫn trong gia đình
  6. Kết quả thực hiện công tác phối hợp duy trì hoạt động và nhân rộng các mô hình về PCBLGĐ

# ĐÁNH GIÁ CHUNG

## Những kết quả đạt được và nguyên nhân

Tập trung đánh giá, nhận định những chuyển biến, thuận lợi trong việc thực hiện phối hợp liên ngành về PCBLGĐ; tác động tích cực của việc phối hợp liên ngành đối với việc PCBLGĐ nhằm ổn định an ninh trật tự tại địa phương, phát triển kinh tế - xã hội.

## Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Tập trung đánh giá các khó khăn, hạn chế, vướng mắc trong triển khai công tác phối hợp liên ngành về PCBLGĐ.

# PHẦN IV. BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 3284/KH-UBND-VHTT NGÀY 23/5/20252 VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH TRONG TÌNH HÌNH MỚI ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 12 (giai đoạn 2022 – 2025).

1. **CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI**

# KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

* 1. Kết quả thực hiện 08 mục tiêu của Chương trình:

***Đánh giá cụ thể mục tiêu đạt được (tỷ lệ %) đến năm 2025***

Mục tiêu 1: **Đạt 40%** số hộ gia đình tham gia các buổi nói chuyện chuyên đề về phòng, chống bạo lực gia đình do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức tại các khu phố, ấp.

Mục tiêu 2: **Phấn đấu đạt 50%** trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, quận, huyện có chuyên mục về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình được đăng tải thông tin định kỳ.

Mục tiêu 3: **Đạt trên 70%** người có nguy cơ bị bạo lực gia đình được trang bị kiến thức, kỹ năng về ứng phó khi bị bạo lực gia đình.

Mục tiêu 4: **Phấn đấu đạt 95%** những người bị bạo lực gia đình khi phát hiện được bảo vệ, trợ giúp pháp lý và chăm sóc sức khỏe.

Mục tiêu 5: **Phấn đấu đạt trên 80%** những người có hành vi bạo lực gia đình khi phát hiện được tư vấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực.

Mục tiêu 6: **Phấn đấu đạt 100%** khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố có lực lượng cộng tác viên dân số thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống bạo lực gia đình tại cộng đồng.

Mục tiêu 7: **Đạt 95%** xã, phường, thị trấn duy trì Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

Mục tiêu 8: **Đạt 90%** người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình các cấp được được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình.

Kết quả đạt được theo nhiệm vụ

* 1. Kinh phí chi cho triển khai Chương trình
  2. Thuận lợi, khó khăn và bài học kinh nghiệm

# BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

*Bảng3: Số hộ gia đình tham gia các buổi nói chuyện chuyên đề về PCBLGĐ do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tại các thôn, tổ dân phố*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **2022** | **2023** | **2024** | **T3/2025** | **Tổng** |
| 1 | Tổng số hộ gia đình | Hộ |  |  |  |  |  |
| 2 | Tổng số hộ gia đình tham gia các buổi nói chuyện chuyên đề về PCBLGĐ | Hộ |  |  |  |  |  |
| 3 | Tổng số buổi nói chuyện chuyên đề về PCBLGĐ | Buổi |  |  |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ số hộ gia đình tham gia buổi nói chuyện chuyên đề về PCBLGĐ | % |  |  |  |  |  |

*Bảng 4: Số người có nguy cơ bị BLGĐ được trang bị kiến thức, kỹ năng về ứng phó khi bị BLGĐ (Đơn vị tính: Người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **2022** | **2023** | **2024** | **T3/2025** | **Tổng** |
| Số người có nguy cơ bị BLGĐ trên địa bàn |  |  |  |  |  |
| Số người có nguy cơ bị BLGĐ được trang bị kiến thức, kỹ năng về ứng phó khi bị BLGĐ |  |  |  |  |  |

*Bảng 5: Số người bị BLGĐ khi phát hiện được bảo vệ, trợ giúp pháp lý và chăm sóc sức khỏe (Đơn vị tính: Người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **2022** | **2023** | **2024** | **T3/2025** | **Tổng** |
| Số người bị BLGĐ được phát hiện |  |  |  |  |  |
| Số người bị BLGĐ được trợ giúp pháp lý |  |  |  |  |  |
| Số lượt bệnh nhân là người bị BLGĐ |  |  |  |  |  |
| Số lượt người bị BLGĐ được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe |  |  |  |  |  |

*Bảng 6: Số người có hành vi BLGĐ khi phát hiện được tư vấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực (Đơn vị tính: Người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **2022** | **2023** | **2024** | **T3/2025** | **Tổng** |
| Số người có hành vi BLGĐ được phát hiện |  |  |  |  |  |
| Số người có hành vi BLGĐ bị xử phạt vi phạm hành chính. |  |  |  |  |  |
| Số người có hành vi BLGĐ bị đề nghị truy tố/xét xử |  |  |  |  |  |
| Số người có hành vi BLGĐ khi được phát hiện được tư vấn |  |  |  |  |  |
| Số người có hành vi BLGĐ khi được phát hiện được cung cấp kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực |  |  |  |  |  |

*Bảng 7: Số người trực tiếp tham gia PCBLGĐ các cấp được được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về PCBLGĐ (Đơn vị tính: Người)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **2022** | **2023** | **2024** | **T3/2025** | **Tổng** |
| Số lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về PCBLGĐ được tổ chức | *Lớp* |  |  |  |  |  |
| Số người trực tiếp tham gia PCBLGĐ các cấp được được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về PCBLGĐ | *Người* |  |  |  |  |  |

*Bảng 8: Kinh phí chi cho công tác PCBLGĐ*

*(Đơn vị tính: nghìn đồng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** | **Tổng** |
| Kinh phí của Ngành VHTTDL |  |  |  |  |  |
| Kinh phí của Ngành khác |  |  |  |  |  |
| Kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác |  |  |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |  |  |

# KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

## Kết luận kết quả PCBLGĐ

* 1. Về công tác triển khai, thi hành Luật PCBLGĐ
  2. Về triển khai, nhân rộng, duy trì Mô hình PCBLGĐ
  3. Về phối hợp liên ngành trong PCBLGĐ
  4. Về Xây dựng, triển khai Chương trình PCBLGĐ

## Kiến nghị, đề xuất giải pháp

* 1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
  2. Các Bộ, ngành Trung ương có liên quan
  3. Ủy ban nhân dân Thành phố